

Số: /2024/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công; Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn và sử dụng xe ô tô cứu thương;

Căn cứ Thông tư số 07/2020/TT-BYT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ Y tế quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2018 của HĐND Thành phố về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội; Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của HĐND Thành phố về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2018 của HĐND Thành phố về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 7631/TTr-STC ngày 21 tháng 12 năm 2023 và Công văn số 449/STC-QLCS ngày 25 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi điều chỉnh.

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ.

2. Đối tượng áp dụng.

a) Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (bao gồm cả cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam ở Thành phố), tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, Ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Thành phố (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

b) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư không thuộc đối tượng áp dụng của Quyết định này.

Điều 2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng.

1. Đối tượng sử dụng, số lượng, chủng loại xe ô tô chuyên dùng được quy định chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo Quyết định này.

2. Mức giá xe ô tô chuyên dùng.

a) Mức giá mua xe ô tô chuyên dùng được quy định chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo Quyết định này. Giá mua xe là giá đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật, sau khi trừ đi các khoản chiết khấu, giảm giá (nếu có); chưa bao gồm: lệ phí trước bạ; lệ phí đăng ký, cấp biển phươg tiện giao thông; phí bảo hiểm; lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe. Trường hợp xe ô tô được miễn các loại thuế (nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt, giá trị gia tăng) thì phải tính đủ số thuế được miễn này vào giá mua xe để xác định tiêu chuẩn, định mức.

b) Khi thực hiện mua sắm, các cơ quan, đơn vị phải căn cứ vào đặc điểm, đặc tính kỹ thuật, chủng loại, nhãn hiệu, kết cấu có liên quan và giá thị trường tại thời điểm mua sắm, thực hiện lựa chọn đơn vị cung cấp theo quy định pháp luật

về đấu thầu, đảm bảo giá mua không vượt quá giá mua tối đa do UBND Thành phố quy định tại Quyết định này.

c) Trường hợp mức giá mua xe trên thị trường tại thời điểm mua sắm cao hơn so với mức giá tối đa do UBND Thành phố ban hành tại Quyết định này, Sở Tài chính tham mưu báo cáo UBND Thành phố quyết định mức giá mua xe tối đa đối với từng trường hợp cụ thể.

Điều 3. Tổ chức thực hiện.

1. Người đứng đầu các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị trực thuộc Thành phố, Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã.

a) Quản lý, sử dụng xe ô tô chuyên dùng theo đúng tiêu chuẩn, định mức ban hành theo Quyết định này và theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

b) Thực hiện rà soát sắp xếp lại, xử lý xe ô tô chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý theo quy định. Báo cáo kết quả sắp xếp lại, xử lý xe ô tô gửi Sở Tài chính trước ngày 15/03/2024.

c) Chỉ đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc:

Thực hiện quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, hạch toán, kế toán đầy đủ về hiện vật và giá trị đối với xe ô tô được giao quản lý, sử dụng. Hoàn thiện đầy đủ hồ sơ pháp lý về xe ô tô theo quy định.

Chủ động bố trí, sắp xếp, giải quyết chế độ chính sách cho các lái xe ô tô theo quy định; phối hợp Sở Nội vụ để giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

d) Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc hoặc kiến nghị đề xuất, kịp thời phản ánh Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố xem xét, chỉ đạo.

2. Sở Tài chính.

a) Hướng dẫn việc thực hiện tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố theo quy định tại Quyết định này.

b) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị triển khai thực hiện mua sắm, xử lý xe ô tô chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

c) Tổng hợp khó khăn, vướng mắc và kiến nghị đề xuất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan đến tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng,

báo cáo UBND Thành phố xem xét, chỉ đạo.

3. Sở Nội vụ.

Hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc bố trí, sắp xếp công việc, giải quyết chế độ, chính sách cho lái xe và xử lý các khó khăn, vướng mắc có liên quan khi các xe ô tô được sắp xếp, xử lý theo quy định; báo cáo UBND Thành phố xem xét, chỉ đạo đối với những nội dung vượt thẩm quyền.

4. Kho bạc Nhà nước Hà Nội.

Căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng kèm theo Quyết định này, thực hiện kiểm soát chi đối với các nội dung liên quan đến mua sắm, sửa chữa, thanh lý và các hình thức xử lý khác đối với xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo đúng quy định pháp luật.

Điều 4. Điều khoản thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2024. Quyết định này thay thế Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2021 của UBND thành phố Hà Nội ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội.

Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Người đứng đầu các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị trực thuộc Thành phố; Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Hà Nội và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- VPUB: CVP, các PCVP, các phòng CM;
- Trung tâm Thông tin điện tử Thành phố;
- Lưu: VT, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Sỹ Thanh

Phụ lục 01: Đối tượng, chủng loại, số lượng xe ô tô chuyên dùng
(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND Thành phố)

Stt	Đối tượng sử dụng	Chủng loại xe	Số lượng xe (tối đa)	Ghi chú
1	2	3	4	5
I	Xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế			
1	Bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh	Xe cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn quy định của Bộ Y tế)	+ Dưới 50 giường bệnh: 01 xe. + Từ 50 giường bệnh đến dưới 100 giường bệnh: 02 xe. + Từ 100 giường bệnh đến dưới 200 giường: 03 xe. + Từ 200 giường bệnh đến dưới 300 giường: 04 xe. + Từ 300 giường bệnh trở lên, nếu tăng thêm 150 giường bệnh thì định mức được thêm 01 xe.	
2	Trung tâm Cấp cứu 115 Thành phố	Xe cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn quy định của Bộ Y tế) hoặc xe cứu thương có kết cấu đặc biệt	50 xe	
3	Trung tâm y tế quận, huyện, thị xã	Xe cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn quy định của Bộ Y tế)	01 xe/đơn vị	
		Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế (Xe bán tải vận chuyển máu và các loại mẫu thuộc lĩnh vực y tế)	02 xe/đơn vị	
4	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố	Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế (Xe 12-16 chỗ ngồi vận chuyển	04 xe	

Stt	Đối tượng sử dụng	Chủng loại xe	Số lượng xe (tối đa)	Ghi chú
1	2	3	4	5
		<i>người bệnh)</i> Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế (<i>Xe bán tải chở máy phun và hóa chất lưu động</i>)	03 xe	
5	Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn	Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế (<i>Xe 7 chỗ ngồi 2 cầu găm cao phục vụ công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý</i>)	01 xe	
6	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	Xe ô tô chuyên dùng có kết cấu đặc biệt sử dụng trong lĩnh vực y tế (<i>Xe xét nghiệm, kiểm nghiệm an toàn thực phẩm lưu động</i>) Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế (<i>Xe bán tải vận chuyển máu và các loại mẫu thuộc lĩnh vực y tế</i>)	05 xe 01 xe	
7	Các cơ quan, đơn vị sự nghiệp khác trực thuộc Sở Y tế (<i>Chi cục Dân số Kế hoạch hóa gia đình; Trung tâm Giám định y khoa; Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà Nội; Trung tâm Pháp y Hà Nội</i>)	Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế (<i>Xe bán tải hoặc xe 12-16 chỗ ngồi vận chuyển máu và các loại mẫu thuộc lĩnh vực y tế, vận chuyển người bệnh, giám định pháp y, vận chuyển tử thi,</i>	01 xe/đơn vị	

Stt	Đối tượng sử dụng	Chủng loại xe	Số lượng xe (tối đa)	Ghi chú
1	2	3	4	5
		<i>gắn mô hình giảng dạy, mô hình mô phỏng, các thiết bị và phương tiện giảng dạy, giáo cụ trực quan)</i>		
8	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (<i>Các Trung tâm Bảo trợ xã hội; Trung tâm Chăm sóc người khuyết tật Hà Nội; Các Trung tâm chăm sóc và Phục hồi chức năng người tâm thần; Các cơ sở cai nghiện ma túy; Trung tâm chăm sóc nuôi dưỡng và điều trị nạn nhân bị nhiễm chất độc da cam/dioxin thành phố Hà Nội; Các Trung tâm Nuôi dưỡng và Điều dưỡng người có công, Trung tâm Điều dưỡng người có công</i>)	Xe cứu thương (<i>đáp ứng tiêu chuẩn quy định của Bộ Y tế</i>) hoặc Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế (<i>Xe 12-16 chỗ ngồi vận chuyển bữa ăn cho bệnh nhân tâm thần, vận chuyển dụng cụ, vật tư, trang thiết bị y tế chuyên dùng</i>)	01 xe/đơn vị	
II	Nhóm xe ô tô có kết cấu đặc biệt			
1	Trung tâm phát triển quỹ đất (<i>Sở Tài nguyên và Môi trường</i>)	Xe chở tiền	01 xe	
2	Ban Quản lý các dự án và khai thác hạ tầng (<i>Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc</i>)	Xe quét hút bụi đường	01 xe	
		Xe cần cầu	01 xe	
		Xe phun nước rửa đường	01 xe	
		Xe cuốn ép rác, chở rác	01 xe	
III	Nhóm xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng (<i>thiết bị chuyên dùng được gắn cố định với xe</i>) hoặc xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật			
1	Ban phục vụ lễ tang Hà Nội (<i>Sở Lao động Thương binh và Xã hội</i>)	Xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết hoặc gắn thiết bị chuyên dùng (<i>Xe phục vụ tang lễ</i>)	Tối đa 130 xe	
	<i>Trong đó:</i>	<i>Xe tang</i>	<i>63 xe</i>	
		<i>Xe 16 -45 chỗ ngồi</i>	<i>53 xe</i>	
		<i>Xe chở cốt, xe tải lạnh bảo quản thi hài, xe gắn tượng Phật, xe chở hoa phục vụ tang lễ</i>	<i>14 xe</i>	

Stt	Đối tượng sử dụng	Chủng loại xe	Số lượng xe (tối đa)	Ghi chú
1	2	3	4	5
2	Trường Trung cấp nghề Giao thông công chính Hà Nội (<i>Sở Lao động Thương binh và Xã hội</i>)	Xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết (<i>Xe tập lái</i>)	Tối đa 35 xe	
	<i>Trong đó:</i>	<i>Xe 05 chỗ ngồi</i>	<i>26 xe</i>	
		<i>Xe trên 16 chỗ ngồi</i>	<i>04 xe</i>	
		<i>Xe tải</i>	<i>05 xe</i>	
3	Thanh tra Sở Giao thông vận tải (<i>Sở Giao thông vận tải</i>)	Xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết (<i>Xe thanh tra giao thông</i>)	Tối đa 58 xe	
	<i>Trong đó:</i>	<i>Xe bán tải</i>	<i>42 xe (Văn phòng Thanh tra Sở: 04 xe; 04 Đội thanh tra GTVT chuyên ngành: 02 xe/01 Đội; 30 Đội thanh tra GTVT quận, huyện, thị xã: 01 xe/01 Đội)</i>	Trường hợp chuyên giao các Đội thanh tra GTVT quận, huyện, thị xã về cấp huyện, định mức mỗi đội thanh tra GTVT quận, huyện, thị xã là 01 xe
		<i>Xe 7 chỗ ngồi 2 cầu gầm cao</i>	<i>01 xe</i>	
		<i>Xe tải gắn cần cầu</i>	<i>09 xe</i>	
		<i>Xe cứu hộ giao thông</i>	<i>05 xe</i>	
		<i>Xe gắn thiết bị cân tải trọng</i>	<i>01 xe</i>	
4	Sở Giao thông vận tải (<i>cơ quan thường trực Ban An toàn giao thông Thành phố</i>)	Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng (<i>Xe 5-16 chỗ ngồi gắn loa lưu động tuyên truyền an toàn giao thông</i>)	01 xe	
5	Sở Thông tin và Truyền thông	Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng (<i>Xe 7 chỗ ngồi 2 cầu gầm</i>)	01 xe	

Stt	Đối tượng sử dụng	Chủng loại xe	Số lượng xe (tối đa)	Ghi chú
1	2	3	4	5
		<i>cao phục vụ thông tin, truyền thông)</i>		
6	Đài Phát thanh và truyền hình Hà Nội	Xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết (<i>Xe chuyên dùng phục vụ công tác phát thanh truyền hình</i>)	Tối đa 32 xe	
	<i>Trong đó:</i>	<i>Xe 5-16 chỗ ngồi</i>	<i>27 xe</i>	
		<i>Xe trên 16 chỗ ngồi</i>	<i>01 xe</i>	
		<i>Xe thu phát tín hiệu, truyền hình lưu động</i>	<i>04 xe</i>	
7	Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường (<i>Sở Tài nguyên và Môi trường</i>)	Xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết (<i>Xe phục vụ thanh tra tài nguyên và môi trường</i>)	02 xe	
	<i>Trong đó:</i>	<i>Xe 7 chỗ ngồi 2 cầu gầm cao</i>	<i>01 xe</i>	
		<i>Xe bán tải</i>	<i>01 xe</i>	
8	Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Hà Nội (<i>Sở Tài nguyên và Môi trường</i>)	Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng (<i>Xe 12-16 chỗ ngồi hoặc Xe tải gắn thiết bị phục vụ quan trắc môi trường</i>)	02 xe	
9	Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ	Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng (<i>Xe 9-16 chỗ ngồi phục vụ kiểm tra kiểm định đo lường chất lượng</i>)	02 xe	
IV	Nhóm xe tải			
1	Các cơ sở cai nghiện ma túy (<i>Sở Lao động - Thương binh và Xã hội</i>).	Xe tải	01 xe/đơn vị	
2	Các đơn vị nghệ thuật trực thuộc Sở Văn hóa và Thể thao	Xe tải	01 xe/đơn vị	
3	Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao (<i>Sở Văn hóa và Thể thao</i>).	Xe tải	01 xe	
4	Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ sau sắp xếp, kiện toàn tiếp quản chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Xe tải	01 xe	
V	Nhóm xe ô tô trên 16 chỗ ngồi			
1	Các Trung tâm Điều dưỡng người có công, Trung tâm Nuôi dưỡng và	Xe trên 16 chỗ ngồi	02 xe/đơn vị	

Stt	Đối tượng sử dụng	Chủng loại xe	Số lượng xe (tối đa)	Ghi chú
1	2	3	4	5
	Điều dưỡng người có công (<i>Sở Lao động – Thương binh và Xã hội</i>).			
2	Các cơ quan, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (<i>Chi cục Phòng chống tệ nạn xã hội; các Trung tâm Bảo trợ xã hội; Trung tâm Chăm sóc Người khuyết tật Hà Nội; Làng trẻ em Birla Hà Nội; Trung tâm Phục hồi chức năng Việt Hàn; Trung tâm Nuôi dưỡng trẻ khuyết tật Hà Nội; Các cơ sở cai nghiện ma túy; Trung tâm chăm sóc nuôi dưỡng và điều trị nạn nhân bị nhiễm chất độc da cam/dioxin thành phố Hà Nội; Các trường Trung cấp, Trung cấp nghề; Trung tâm Dịch vụ Việc làm Hà Nội; Trung Tâm Công tác Xã hội và Quỹ Bảo trợ trẻ em Hà Nội; Làng trẻ em SOS Hà Nội; Trường PTDL Herman Gmeiner</i>)	Xe trên 16 chỗ ngồi	01 xe/đơn vị	
3	Các đơn vị nghệ thuật trực thuộc Sở Văn hóa và Thể thao; Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao; Trung tâm Văn hóa Thành phố (<i>Sở Văn hóa và Thể thao</i>)	Xe trên 16 chỗ ngồi	01 xe/đơn vị	
4	Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo	Xe trên 16 chỗ ngồi (Xe 24 chỗ ngồi)	01 xe	
5	Trường PTCS Nguyễn Đình Chiểu (<i>Sở Giáo dục và Đào tạo</i>)	Xe trên 16 chỗ ngồi	01 xe	
6	Các trường đại học, cao đẳng trực thuộc Thành phố, Trường Đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong, Trung tâm chính trị quận, huyện, thị xã.	Xe trên 16 chỗ ngồi	01 xe/đơn vị	
7	Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc	Xe trên 16 chỗ ngồi	01 xe	
8	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Hỗ trợ phát triển phụ nữ Hà Nội (<i>Hội liên hiệp phụ nữ thành phố Hà Nội</i>)	Xe trên 16 chỗ ngồi	01 xe	

Phụ lục 02: Mức giá tối đa mua xe ô tô chuyên dùng

(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND Thành phố)

Stt	Chủng loại xe	Mức giá tối đa
1	2	3
1	Xe cứu thương	1.200 triệu đồng/xe
2	Xe chở tiền	1.600 triệu đồng/xe
3	Xe chở cốt, Xe gắn tọng Phạt phục vụ tang lễ	1.600 triệu đồng/xe.
4	Xe bán tải	950 triệu đồng/xe
5	Xe tải đến 1 tấn	500 triệu đồng/ xe
6	Xe tải trên 1 tấn đến 1,5 tấn	600 triệu đồng/xe
7	Xe tải trên 1,5 tấn đến 2,5 tấn	650 triệu đồng/xe
8	Xe tải trên 2,5 đến 3,5 tấn	900 triệu đồng/xe
9	Xe tải trên 3,5 tấn; Xe tải lạnh bảo quản thi hài	1.100 triệu đồng/xe
10	Xe tải gắn cần cầu, xe cứu hộ giao thông	1.600 triệu đồng/xe
11	Xe 5 -7 chỗ ngồi 01 cầu	950 triệu đồng/xe
12	Xe 7 chỗ ngồi 02 cầu	1.600 triệu đồng/xe
13	Xe 9 - 16 chỗ ngồi	1.300 triệu đồng/xe
14	Xe trên 16 đến 24 chỗ ngồi	1.600 triệu đồng/xe
15	Xe trên 24 đến 30 chỗ ngồi	1.800 triệu đồng/xe
16	Xe trên 30 đến 45 chỗ ngồi	2.500 triệu đồng/xe
17	Xe xét nghiệm, kiểm nghiệm an toàn thực phẩm lưu động; Xe cứu thương có kết cấu đặc biệt trang bị cho Trung tâm cấp cứu 115 Thành phố nhằm đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ theo chỉ đạo của Thành phố; Xe gắn thiết bị cân tải trọng; Xe thu phát tín hiệu, truyền hình lưu động; Xe tang; Xe quét hút bụi đường; Xe cần cầu; Xe phun nước rửa đường; Xe cuốn ép rác, chở rác.	UBND Thành phố quyết định giá mua xe tại thời điểm mua sắm

Ghi chú: Giá mua xe là giá đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật, sau khi trừ đi các khoản chiết khấu, giảm giá (nếu có); chưa bao gồm: lệ phí trước bạ; lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông; phí bảo hiểm; lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe. Trường hợp xe ô tô được miễn các loại thuế (nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt, giá trị gia tăng) thì phải tính đủ số thuế được miễn này vào giá mua xe để xác định tiêu chuẩn, định mức.